

Số: 189/2016/NQ-HĐND

Buôn Ma Thuột, ngày 07 tháng 01 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức thu học phí đào tạo cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề các trường công lập trực thuộc tỉnh năm học 2015 - 2016

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA VIII, KỲ HỌP BẤT THƯỜNG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục năm 2009;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học năm 2012;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021;

Xét Tờ trình số 157/TTr-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc đề nghị quy định mức thu học phí đào tạo cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề các trường công lập trực thuộc tỉnh năm học 2015 - 2016; Báo cáo thẩm tra số 89/BC-HĐND ngày 29/12/2015 của Ban Văn hóa - Xã hội và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thu học phí đào tạo cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề các trường công lập trực thuộc tỉnh năm học 2015 - 2016, như sau:

1. Mức thu học phí đào tạo cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp năm học 2015-2016:

Đơn vị: Nghìn đồng/tháng/học sinh, sinh viên

Nhóm ngành	Trung cấp chuyên nghiệp Năm học 2015 - 2016	Cao đẳng Năm học 2015 - 2016
1.1. Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản	359	410

1.2. Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch	431	492
1.3. Y dược	504	576

2. Mức thu đối với trung cấp nghề, cao đẳng nghề năm học 2015 – 2016:

Đơn vị: Nghìn đồng/tháng/học sinh, sinh viên

TÊN MÃ NGHỀ	Năm học 2015 - 2016	
	Trung cấp nghề	Cao đẳng nghề
2.1. Báo chí và thông tin; pháp luật	250	280
2.2. Toán và thống kê	270	290
2.3. Nhân văn: khoa học xã hội và hành vi; kinh doanh và quản lý; dịch vụ xã hội	280	300
2.4. Nông, lâm nghiệp và thủy sản	310	360
2.5. Khách sạn, du lịch, thể thao và dịch vụ cá nhân	350	380
2.6. Nghệ thuật	400	430
2.7. Sức khỏe	400	440
2.8. Thú y	430	470
2.9. Khoa học sự sống; sản xuất và chế biến	440	480
2.10. An ninh, quốc phòng	480	520
2.11. Máy tính và công nghệ thông tin; công nghệ kỹ thuật	510	560
2.12. Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên; môi trường và bảo vệ môi trường	520	570
2.13. Khoa học tự nhiên	530	580
2.14. Dịch vụ vận tải	600	670
2.15. Khác	550	600

3. Về miễn, giảm học phí: Thực hiện theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ và Thông tư hướng dẫn Nghị định trên.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này, báo cáo với Hội đồng nhân dân tỉnh tại các kỳ họp.

Giao cho Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17 tháng 01 năm 2016.

Bãi bỏ Nghị quyết số 52/2012/NQ-HĐND ngày 6/7/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy định mức thu, sử dụng học phí đào tạo cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề các trường công lập trực thuộc tỉnh từ năm học học 2012 - 2013 đến năm học 2014 - 2015.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa VIII, Kỳ họp bất thường thông qua ngày 07 tháng 01 năm 2016./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- UBTV Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ GD-ĐT; Bộ Tài chính;
- Cục KTVB - Bộ Tư pháp;
- Ban Công tác đại biểu;
- TT. Tỉnh ủy;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của Tỉnh ủy;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở GD-ĐT, Sở Tài chính; Sở Tư pháp;
- TT. HĐND các huyện, TX, TP;
- Báo Đắk Lắk, Đài PTTH tỉnh, Công báo tỉnh, Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, Ct.HĐND.

CHỦ TỊCH



Y Biêr Niê

